

Bản án số: 130/2018/HSST
Ngày 14-08-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Anh Đắc

Ông Nguyễn Đắc Liệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 08 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 129/2018/HSST ngày 10 tháng 07 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2018/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 08 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Phạm Minh N, sinh ngày 02 tháng 11 năm 1987 tại Hải Dương; nơi đăng ký HKTT: 113/46, tổ 6, khu phố 10, phường T, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số 78 B, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: bán quán cà phê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị D; vợ: Nguyễn Thị Minh S; có hai con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; tiền sự, tiền án: không; sau khi bị bắt quả tang ngày 29 tháng 03 năm 2018 không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; đến ngày 10-05-2018 mới áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 34; bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Võ Tr K (tên gọi khác: Bé Năm), sinh ngày 08 tháng 07 năm 1974 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký HKTT: 215/11/1B B, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: E9 Khu P, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Quang H và bà Thân Thị T; vợ: Nguyễn Thị T; có hai con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2003; tiền sự, tiền án:

không; bị bắt ngày 29 tháng 03 năm 2018; Quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ số 06 ngày 01-04-2018; bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Trần Thị Cẩm D, sinh năm 1990 (không xác định được ngày, tháng sinh) tại Sóc Trăng; nơi đăng ký HKTT: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: Số 44/2 L, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: thợ làm tóc; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị B; tiền sự, tiền án: không; bị bắt ngày 29 tháng 03 năm 2018; Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp cho gia đình bảo lãnh số 19/QĐ-VKSTPVT ngày 04-04-2018; bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Lê Quang Tr (tên gọi khác: Bé), sinh năm 1966 (không xác định được ngày, tháng sinh) tại Sóc Trăng; nơi đăng ký HKTT: Ấp V, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Số 198 B, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ văn hóa: không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang P (chết) và bà Nguyễn Thị L (chết); vợ: Trần Thị S, có bốn con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền sự, tiền án: không; bị bắt ngày 29 tháng 03 năm 2018; Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp cho gia đình bảo lãnh số 18/QĐ-VKSTPVT ngày 04-04-2018; bị cáo tại ngoại (có mặt).

5. Nguyễn N T, sinh năm 1990 (không xác định được ngày, tháng sinh) tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở: Số 167 V, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị H; vợ: Phan Thị Đ; có một người con sinh năm 2010; tiền sự, tiền án: không; bị bắt ngày 29 tháng 03 năm 2018; Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp cho gia đình bảo lãnh số 17/QĐ-VKSTPVT ngày 04-04-2018; bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các T liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 05 phút ngày 29-03-2018, tại quán cà phê số 78 B, phường T, thành phố V; Công an phường 8, thành phố V bắt quả tang Lê Quang Tr, Võ Tr K, Nguyễn N T và Trần Thị Cẩm D đang thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh bài “phỏm” thắng thua bằng tiền mặt. Vật chứng thu giữ trên chiếu bạc gồm: 7.700.000đ và 02 bộ bài tây.

Quá trình điều tra xác định: Quán cà phê tại số 78 B, phường T, thành phố V do Phạm Minh N kinh doanh. Khoảng 12 giờ ngày 29-03-2018, khi đang uống cà phê tại đây thì Lê Quang Tr, Võ Tr K, Nguyễn N T, Trần Thị Cẩm D rủ

nhau đánh bạc ăn thua bằng tiền mặt dưới hình thức chơi bài “phỏm”. Các đối tượng được Phạm Minh N cho đánh bạc tại lầu 1 của quán. N trực tiếp đi mua 02 bộ bài tây loại 52 lá với giá 10.000đ về đưa cho Võ Tr K, K trả lại cho N số tiền này.

Lê Quang Tr, Võ Tr K, Nguyễn N T và Trần Thị Cẩm D đánh bài “phỏm” thắng thua bằng tiền với hình thức như sau:

Bài 52 lá bao gồm 13 số từ A, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K; kết hợp với 04 chất Cơ, rô, Chuồn, Bích. “Phỏm” có 02 loại, phỏm ngang từ 03 quân đến 04 quân giống số hoặc chữ, phỏm dọc từ 03 quân giống chất, số liên tiếp nhau trở lên. Bài “phỏm” khi đánh thường có 04 người tham gia chơi.

Khi bắt đầu chơi thì người chia bài được 10 lá bài và được đánh trước 01 lá, những người còn lại được chia 09 lá bài. Khi có người đánh 01 quân bài ra thì người đánh kế tiếp (theo chiều kim đồng hồ) có thể ăn quân bài này để hợp thành phỏm và người này sẽ đánh ra quân bài khác trong số các quân bài được chia, nếu không có bài để hợp thành phỏm thì người này bốc con bài ở trên cùng trong số các con bài còn dư được đặt ở giữa sòng bạc và đánh ra 01 con bài đang cầm trên tay, đánh lần lượt cho đến khi bốc hết các lá bài hoặc có nhà ù (tức là ai cầm trên tay có 9 hoặc cả 10 cây hợp thành các phỏm). Khi đánh đến vòng cuối thì người đánh đầu tiên hạ phỏm (nếu có phỏm) rồi tính điểm các quân bài còn lại, lần lượt đến những người kế tiếp, ai không có phỏm gọi là “cháy”.

Tính điểm A là 01 điểm, 2 là 02 điểm..., đến 10 là 10 điểm; J, Q, K được tính lần lượt là 11,12,13 điểm; ai có điểm ít hơn sẽ thắng và người thắng có quyền chia bài, nếu bằng điểm thì người hạ phỏm trước thắng người hạ phỏm sau. Tỷ lệ ăn thua mỗi ván, với người tới nhất và nếu không có ai bị bài “cháy” sẽ thắng được 300.000đ (trong đó người về nhì thua 50.000đ, người về ba thua 100.000đ, người về chót thua 150.000đ), nếu có người bị bài “cháy” thì người này phải thua 200.000đ. Khi đánh bài, người ăn con bài thứ nhất được 50.000đ, ăn con bài thứ hai được 100.000đ, ăn con bài thứ ba được 150.000đ (trường hợp này, người bị ăn cả 03 con bài, thì ngoài phải trả tiền bài bị ăn phải đền tiền cho người ăn bằng ván ù tương ứng 600.000đ), người ăn cây bài chót hạ (tức người ngồi trên đánh cho 01 quân bài nếu không ăn được phải hạ bài, nhưng do ăn được nên không phải hạ bài) thì được số tiền 200.000đ. Người có bài ù (nếu không thuộc trường hợp người bị đền như trên), thì 03 người còn lại mỗi người thua là 250.000đ cộng thêm tiền bị ăn cây bài cho người ăn.

Theo thỏa thuận giữa chủ quán Phạm Minh N với bốn con bạc trên, thì khi người có bài ù phải bỏ “tiền xâu” cho N là 50.000đ. Các con bạc đã bỏ ra “tiền xâu” 02 ván ù với tổng số tiền là 100.000đ để đưa cho N. Tuy nhiên, N chưa kịp lấy số tiền này thì đã bị bắt quả tang. Số tiền này nằm trong số tiền 7.700.000đ bị thu giữ.

Trong quá trình K, D, Tr, T đánh bạc; còn có một người phụ nữ (không xác định được nhân thân) tham gia đánh bạc mấy ván trong lúc T ra ngoài. Do

không xác định được nhân thân người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Các đối tượng xác định số tiền sử dụng để đánh bạc gồm: Võ Tr K 2.100.000đ, Trần Thị Cẩm D 1.900.000đ, Lê Quang Tr 1.800.000đ, Nguyễn N T 1.600.000đ.

Bản cáo trạng số 122/CT- VKS ngày 02 tháng 07 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Phạm Minh N, Lê Quang Tr, Võ Tr K, Nguyễn N T, Trần Thị Cẩm D về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt các bị cáo hình phạt tiền từ 20.000.000 đ đến 30.000.000 đ.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh. Các bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, T liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo xác định đã bị bắt quả tang khi đang thực hiện hành vi đánh bạc trái phép vào lúc 15 giờ ngày 29-03-2018, tại số nhà 78 B, Phường T, thành phố V; thu giữ tổng số tiền tại chiếu bạc là 7.700.000 đ. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ và các T liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa.

Xét hành vi đánh bài do các bị cáo thực hiện là hành vi đánh bạc trái phép, thuộc trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau, mục đích được thua bằng tiền. Căn cứ hướng dẫn tại Điều 1 Nghị Quyết số 01/2010/NQ –

HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; xác định tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc vào ngày 29-03-2018 là 7.700.000đ. Trong đó các bị cáo đã sử dụng số tiền để tham gia đánh bạc cụ thể như sau: Bị cáo K 2.100.000 đ, D 1.900.000đ, 1.800.000đ, T 1.600.000đ. Vì vậy, hành vi các bị cáo K, D, Tr, T thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo N cho phép các bị cáo K, D, Tr, T thực hiện hành vi đánh bạc tại quán của mình chưa đầy đủ các dấu hiệu bắt buộc theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2010/NQ – HĐTP ngày 22-10-2010, chưa đến mức thuộc trường hợp tổ chức đánh bạc với quy mô lớn, chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc”. Căn cứ hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết nêu trên, xác định hành vi bị cáo N thực hiện tuy không phải chịu trách nhiệm về tội “Tổ chức đánh bạc”, nhưng phải chịu trách nhiệm hình sự là đồng phạm đối với tội “Đánh bạc”. Vì vậy, hành vi bị cáo N thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương, là nguyên nhân dẫn đến các loại tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên xem xét xử phạt các bị cáo hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 7.700.000đ sử dụng vào việc đánh bạc trái phép, nên tịch thu sung quỹ nhà nước;

- 02 bộ bài tây, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí : Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Minh N, Võ Tr K, Trần Thị Cẩm D, Lê Quang Tr, Nguyễn N T phạm tội “Đánh bạc”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015:

- Phạt tiền 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng) đối với Phạm Minh N để sung quỹ nhà nước. Phạm Minh N có nghĩa vụ nộp số tiền phạt nêu trên trong thời hạn 10 (mười) tháng, mỗi tháng phải nộp 2.500.000 đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

- Phạt tiền 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng) đối với Võ Tr K để sung quỹ nhà nước. Võ Tr K có nghĩa vụ nộp số tiền phạt nêu trên trong thời hạn 10 (mười) tháng, mỗi tháng phải nộp 2.500.000 đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

- Phạt tiền 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng) đối với Trần Thị Cẩm D để sung quỹ nhà nước. Trần Thị Cẩm D có nghĩa vụ nộp số tiền phạt nêu trên trong thời hạn 10 (mười) tháng, mỗi tháng phải nộp 2.500.000 đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

- Phạt tiền 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng) đối với Lê Quang Tr để sung quỹ nhà nước. Lê Quang Tr có nghĩa vụ nộp số tiền phạt nêu trên trong thời hạn 10 (mười) tháng, mỗi tháng phải nộp 2.500.000 đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

- Phạt tiền 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng) đối với Nguyễn N T để sung quỹ nhà nước. Nguyễn N T có nghĩa vụ nộp số tiền phạt nêu trên trong thời hạn 10 (mười) tháng, mỗi tháng phải nộp 2.500.000 đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

- Tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài tây đã qua sử dụng;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 7.700.000đ (bảy triệu bảy trăm ngàn đồng).

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 143/BB.THA ngày 10 tháng 07 năm 2018 và Biên lai thu tiền số 0009452 ngày 09 tháng 07 năm 2018.

4. Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Thi hành án dân sự thành phố V;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố V;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Thanh Hảo